ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ
HỘI CỰU GIÁO CHỨC TỈNH LẠNG SƠN

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 56 /QĐ-UBND
Ngày 10 /01/2024 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

Hội Cựu giáo chức tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Cựu giáo chức tỉnh Lạng Sơn (Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân Việt Nam gồm những người nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các trường học, các cơ sở giáo dục và cơ quan giáo dục đào tạo. Hội được thành lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, năng lực trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo, tiếp tục góp phần thực hiện phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng, hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt.

Trụ sở của Hội tại tầng 1 Sở Giáo dục Đào tạo, số 6 đường Hoàng Văn Thụ, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và hướng dẫn chuyên môn của Hội Cựu giáo chức Việt Nam.

3. Hội là một tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động theo Điều lệ được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt và tuân thủ hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.

5. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lạng Sơn.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước, cung cấp dịch vụ công và các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để hỗ trợ về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia

phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức: công dân Việt Nam, nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các trường học, các cơ sở giáo dục và cơ quan giáo dục đào tạo tán thành Điều lệ, tự nguyện gia nhập, được Ban Chấp hành Hội cơ sở xem xét và kết nạp.

2. Hội viên danh dự:

- Công dân Lạng Sơn tích cực đóng góp công sức cho công tác giáo dục, đào tạo, nhiệt tình tham gia các hoạt động của Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội, được Hội công nhận là hội viên danh dự của Hội.

- Hội viên danh dự của Hội được tham gia các hoạt động của Hội, tham dự Đại hội, nhưng không tham gia ứng cử và bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, không biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục kết nạp hội viên:

- Cá nhân viết đơn xin tham gia Hội gửi Ban Chấp hành Hội cơ sở;

- Ban Chấp hành Hội cơ sở tiếp nhận đơn, tổ chức xem xét và quyết định kết nạp hội viên.

2. Thẩm quyền kết nạp hội viên: Ban Chấp hành Hội cơ sở.

3. Thủ tục ra khỏi Hội: hội viên khi không còn nhu cầu tham gia tổ chức Hội thì viết đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành Hội cơ sở. Ban Chấp hành Hội cơ sở xem xét, quyết định xóa danh sách hội viên đó.

Chương IV
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.

5. Ban Kiểm tra.

6. Các Chi hội trực thuộc.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo Tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Chấp hành do điều kiện cá nhân xin thôi nhiệm vụ hoặc qua đời, Ban Chấp hành Hội tổ chức cuộc họp bầu bổ sung người thay thế.

2. Quy trình thực hiện các chức danh lãnh đạo Hội theo quy định phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội.

Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội. Quy chế khen thưởng, kỷ luật, các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 10% so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành họp mỗi năm 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc yêu cầu của trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Tại cuộc họp của Ban Chấp hành khi quyết định thông qua các vấn đề cần thiết thì có thể biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc giơ tay do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi được trên 50% tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Quy trình giới thiệu, xin ý kiến các chức danh lãnh đạo Hội thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội là người giúp Chủ tịch trong công tác quản lý và điều hành Hội; được Chủ tịch uỷ nhiệm, phân công trực tiếp phụ trách và điều hành một

số công việc của Hội; triệu tập, chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Ban Kiểm tra có từ 03 (ba) hoặc 05 (năm) ủy viên do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V
CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 18. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của pháp luật về Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 19. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

- Tiền tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao.

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.

- Chi mua sắm tài sản, phương tiện làm việc.

- Chi hoạt động thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản.

- Chi sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị làm việc.

- Chi chế độ thù lao, tiền công đối với người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chi công tác thi đua khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng: tổ chức Hội, cán bộ, hội viên có thành tích trong các hoạt động của Hội được Hội khen thưởng và được đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Kỷ luật: tổ chức Hội, cán bộ, các hội viên hoạt động trái với Điều lệ Hội, làm tổn hại đến danh dự, quyền lợi của Hội phải chịu kỷ luật của Hội từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ khỏi Hội, trường hợp vi phạm nghiêm trọng, phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức, thẩm quyền, quy trình xét khen thưởng, kỷ luật:

Ban Chấp hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, quy trình xét khen thưởng, kỷ luật của Hội phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 50% số đại biểu chính

thức có mặt tại Đại hội tán thành và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Cựu giáo chức tỉnh gồm 8 Chương, 23 Điều đã được Đại hội Hội Cựu giáo chức tỉnh Lạng Sơn thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Điều lệ này thay thế Điều lệ Hội Cựu giáo chức tỉnh Lạng Sơn đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 29/11/2013.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Cựu giáo chức tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.